

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)*

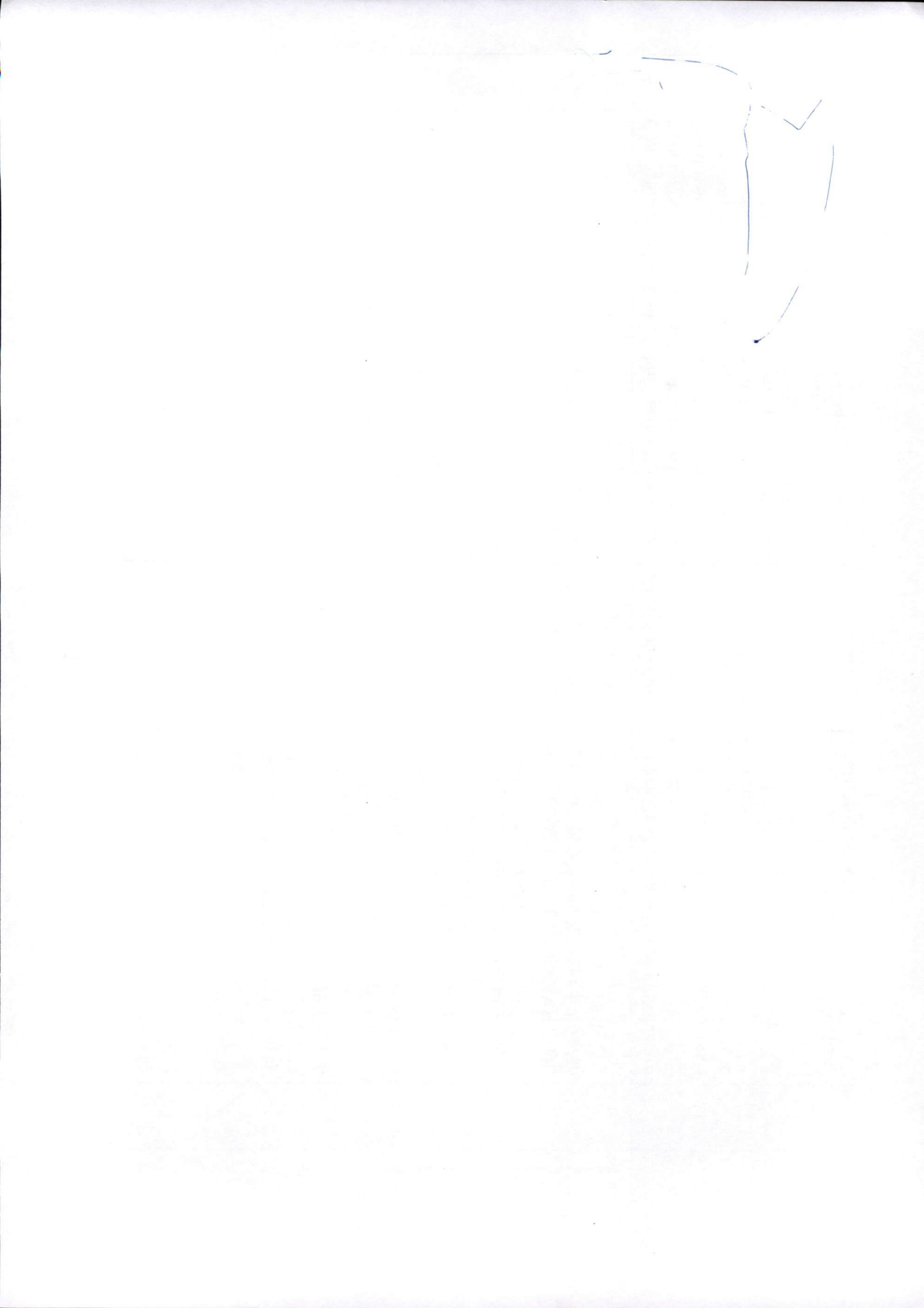
**Phần I. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC	Cách thức thực hiện		
						Trực tiếp	Trực tuyến	Qua dịch vụ BCC C
<b>A</b>	<b>VĂN HÓA</b>							
<b>I</b>	<b>Di sản văn hóa</b>							
1.	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục đăng ký, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên cấp Giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Chưa ban hành văn bản phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li> <li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ).</li> <li>- Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/02/2004 của Bộ Văn hóa-Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.</li> <li>- Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể</li> </ul>	x		x

					thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			
2.	Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li> <li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ).</li> </ul>	x		x
3.	Xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li> <li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ.</li> </ul>	x		x
4.	Cấp giấy phép	30 ngày kể từ	Bộ phận tiếp	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6	x		x



	hoạt động bảo tàng ngoài công lập	ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		năm 2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009. - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ. - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ.			
5.	Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	Không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009. - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ. - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ. - Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ.	x		
6.	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên xem xét cấp chứng chỉ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009. - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010. - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ.	x		x





		Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản.			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ).</li> <li>- Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/02/2004 của Bộ VHTT hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.</li> </ul>			
7.	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</li> <li>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du</li> </ul>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li> <li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).</li> </ul>	Chưa quy định		

	<p>lịch tỉnh Điện Biên quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và</p>				
--	---	--	--	--	--

	<p>các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của</p>				
--	---	--	--	--	--



		Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.				
8.	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</li> <li>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên quyết định việc gửi văn bản</li> </ul>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li> <li>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>	Chưa quy định

	<p>đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn</p>				
--	--	--	--	--	--

	<p>hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ</p>				
--	---	--	--	--	--



		Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.						
9.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009.</li> <li>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ).</li> <li>- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ.</li> </ul>	x		x
10.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả -	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001.	x		x

	điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	định.	Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.			
11.	Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.	x		x
12.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	- Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên xem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.	x		x

		<p>hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.</p>						
13.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	<p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	<p>- Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009.</p> <p>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ.</p>	x		x



		- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.						
14.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ.	x		x

		<p>tỉnh Điện Biên xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.</p>						
<b>II Điện ảnh</b>								
15.	<p>Cấp giấy phép phổ biến phim</p> <p>(- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh</p>	<p>15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	<p><b>Thẩm định và phân loại phim:</b></p> <p><b>1. Phim thương mại:</b></p> <p>a) Phim truyện: * Độ dài đến 100</p>	<p>- Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 01 tháng 10 năm 2009.</p> <p>- Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày</p>			

<p>thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu;</p> <p>- Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:</p> <p>+ Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;</p> <p>+ Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)</p>			<p>phút (1 tập phim): 3.600.000 đồng.</p> <p>* Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập.</p> <p>* Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập.</p> <p>b) Phim ngắn:</p> <p>* Độ dài đến 60 phút: 2.200.000 đồng.</p> <p>* Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện.</p> <p><b>2. Phim phi thương mại:</b></p> <p>a) Phim truyện:</p> <p>* Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 2.400.000 đồng.</p> <p>* Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập.</p> <p>* Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập.</p> <p>b) Phim ngắn:</p> <p>* Độ dài đến 60 phút: 1.600.000</p>	<p>21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh năm 2009;</p> <p>- Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh</p> <p>- Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về ban hành Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim.</p> <p>- Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh.</p>		
---	--	--	---	---	--	--



				<p>đồng.</p> <p>* Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện.</p> <p>Ghi chú: Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.</p>				
16.	Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	<p><b>Thẩm định và phân loại phim:</b></p> <p><b>1. Phim thương mại:</b></p> <p>a) Phim truyện:</p> <p>* Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 3.600.000 đồng.</p> <p>* Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập.</p> <p>* Độ dài từ 151 - 200 phút tính</p>	<p>- Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 01 tháng 10 năm 2009.</p> <p>- Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh năm 2009;</p> <p>- Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện một</p>			

			<p>thành 02 tập.</p> <p>b) Phim ngắn:</p> <p>* Độ dài đến 60 phút: 2.200.000 đồng.</p> <p>* Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện.</p> <p><b>2. Phim phi thương mại:</b></p> <p>a) Phim truyện:</p> <p>* Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 2.400.000 đồng.</p> <p>* Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập.</p> <p>* Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập.</p> <p>b) Phim ngắn:</p> <p>* Độ dài đến 60 phút: 1.600.000 đồng.</p> <p>* Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện.</p> <p>Ghi chú: Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định</p>	<p>số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh</p> <p>- Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về ban hành Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim.</p> <p>- Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh.</p>			
--	--	--	--	---	--	--	--

				lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.				
<b>III Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm</b>								
17.	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.	x		x
18.	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Không quy định	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.	x		x
19.	Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả -	Không quy định	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.	x		x



	danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	lệ.	Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		- Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			
20.	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	- Thời hạn cấp giấy phép không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; - Đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch, thời hạn cấp giấy phép không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Không quy định	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.	x		x
21.	Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa,	Không quy định	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.	x		x

	tinh)		Thể thao và Du lịch					
22.	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Không quy định	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh.	x		x
23.	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Không quy định	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh.	x		x
24.	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm.	x	x	x

	<p>lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;</p>						
--	--	--	--	--	--	--	--



		- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên có văn bản trả lời.						
25.	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên gửi văn bản yêu cầu cá nhân nước ngoài bổ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm.	x	x	x

	<p>sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp</p>							
--	---	--	--	--	--	--	--	--

		<p>Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;</p> <p>- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên có văn bản trả lời.</p>						
26.	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không	- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm.	x	x	x



<p>vì mục đích thương mại</p>	<p>Biên gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên cấp giấy phép</p>						
-------------------------------	---	--	--	--	--	--	--

		<p>triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.</p> <p>- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên có văn bản trả lời.</p>						
27.	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại	- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa,	Không quy định	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm.	x	x	x

	địa phương không vì mục đích thương mại	<p>hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên gửi văn bản yêu cầu cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể</p>	<p>Thể thao và Du lịch.</p>					
--	---	--	-----------------------------	--	--	--	--	--



		<p>thao và Du lịch tỉnh Điện Biên cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;</p> <p>- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên có văn bản trả lời.</p>						
28.	Thông báo tổ	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc,	Bộ phận tiếp nhận và trả	Không quy định	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ về hoạt động	x	x	x

	<p>chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại</p>	<p>kể từ ngày nhận được thông báo, nếu Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên không có văn bản trả lời thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo;</p> <p>- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên không có ý</p>	<p>kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>		<p>triển lãm.</p>			
--	--	---	---	--	-------------------	--	--	--

		kiến trả lời bằng văn bản thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo.						
<b>IV Nghệ thuật biểu diễn</b>								
29.	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	<b>Mức thu phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn như sau:</b> Độ dài thời gian của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật: * Đến 50 phút: 1.500.000 đồng * Từ 51 đến 100 phút: 2.000.000 đồng * Từ 101 đến 150 phút: 3.000.000 đồng * Từ 151 đến 200 phút: 3.500.000 đồng * Từ 201 phút trở lên: 5.000.000 đồng	- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác.	x	x	x



			<p><b>Trường hợp miễn phí</b> Miễn phí thâm định chương trình nghệ thuật biểu diễn đối với chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia. Chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư số 288/2016/TT-BTC bao gồm: các hoạt động biểu diễn nghệ thuật nhân kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước, kỷ niệm ngày quốc khánh các nước tại Việt Nam; tổ chức nhân chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao các nước đến Việt Nam; kỷ</p>				
--	--	--	---	--	--	--	--

				niệm ngày sinh nhật của một số lãnh tụ các nước tại Việt Nam hoặc nhân kỷ niệm sự kiện đặc biệt của nước ngoài được tổ chức tại Việt Nam.				
30.	Tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.	x	x	x
31.	Tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng	Không quy định	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.	x	x	x

			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.					
32.	Ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.	x	x	x
<b>V Văn hóa cơ sở</b>								
33.	Đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên có trách nhiệm thẩm định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Không quy định	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2019 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội.	x	x	x
34.	Thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhận được văn bản thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung đã thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Không quy định	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2019 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội.	x	x	x



		báo.						
35.	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy. + Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy; + Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy. - Tại các khu vực khác: + Từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy + Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy; + Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy.	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Nghị định 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.	x	x	x
36.	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả -	- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ	x	x	x

	trường	định.	Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 15.000.000 đồng/giấy; - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 10.000.000 đồng/giấy.	trường. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.			
37.	Cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.	x	x	x

				<p>định.</p> <p>- Tại khu vực khác: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định.</p> <p>- Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.</p>				
38.	Cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng	Không quy định	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.	x	x	x



	vụ vũ trường		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		- Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.			
39.	Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Liên đoàn lao động cấp huyện	Không quy định	Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”.	x		
40.	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	- Điều 29, Điều 30 của Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. - Khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.	x		
41.	Thông báo tổ	15 ngày, kể từ ngày nhận được	Bộ phận tiếp nhận và trả	Không quy định	Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012	x		x

	chức đoàn người thực hiện quảng cáo	thông báo.	kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.					
42.	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3.000.000 đồng/Giấy phép.	- Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam.	x		
43.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và	1.500.000 đồng/Giấy phép.	- Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.	x		



	quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam		Du lịch.		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.</li> <li>- Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam.</li> <li>- Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL, và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>			
44.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	1.500.000 đồng/Giấy phép.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012.</li> <li>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.</li> <li>- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể</li> </ul>	x		



					<p>thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.</p> <p>- Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam.</p>				
<b>VI Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa</b>									
45.	Cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải xin ý kiến các Bộ, ngành khác thời hạn tối đa là 10 ngày làm việc. Trường hợp phải giám định văn hóa phẩm nhập khẩu tối đa không quá 12 (mười hai) ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	<p>- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.</p> <p>- Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.</p> <p>- Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số</p>	x		x	

					32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.			
46.	Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.</li> <li>- Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.</li> <li>- Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL.</li> <li>- Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của</li> </ul>	x		



					Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.			
47.	<p>Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh</p>	<p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm nhập khẩu. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	<p>1. Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh:</p> <p>- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. - Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. - Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng</p> <p>2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:</p> <p>- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;</p>	<p>Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.</p> <p>- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>- Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	x		x



				<p>- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/ tác phẩm/ lần thẩm định. - Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.</p>				
48.	<p>Phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập nhẫu cấp tỉnh</p>	<p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	<p><b>Thẩm định và phân loại phim:</b></p> <p><b>1. Phim thương mại:</b></p> <p>a) Phim truyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 3.600.000 đồng.</li> <li>* Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập.</li> <li>* Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập.</li> </ul> <p>b) Phim ngắn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Độ dài đến 60 phút: 2.200.000 đồng.</li> <li>* Độ dài từ 61 phút trở lên thu</li> </ul>	<p>- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Điện ảnh.</p> <p>- Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn</p>	x		x

		<p>Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>		<p>như phim truyện.</p> <p><b>2. Phim phi thương mại:</b></p> <p>a) Phim truyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Độ dài đến 100 phút (1 tập phim): 2.400.000 đồng.</li> <li>* Độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập.</li> <li>* Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập.</li> </ul> <p>b) Phim ngắn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Độ dài đến 60 phút: 1.600.000 đồng.</li> <li>* Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện.</li> </ul> <p>Ghi chú: Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu</p>	<p>hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>			
--	--	---	--	---	---	--	--	--



				bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.				
49.	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	<p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền sẽ có văn bản trả lời kết quả chấp thuận hoặc từ chối đề nghị nhập khẩu của Thương nhân và nêu rõ lý do.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	<p><b><i>Đối với các sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu dưới đây thì mức thu như sau:</i></b></p> <p>1. Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau:</p> <p>a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa:</p> <p>- Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15</p>	<p>- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác.</p> <p>- Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	x		x